



Bài báo nghiên cứu

TÍNH CHẤT “DU KÍ” TRONG THƠ ĐI SỨ CỦA NGUYỄN ĐỀ

Phạm Thị Thúy Hằng

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Phạm Thị Thúy Hằng – Email: hangpth@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 23-3-2023; ngày nhận bài sửa: 24-5-2023; ngày duyệt đăng: 19-7-2023

TÓM TẮT

Thơ đi sứ (thơ sứ trình) của Nguyễn Đề là một bộ phận quan trọng của thơ bang giao triều đại Tây Sơn. Bài viết này tiếp cận các tác phẩm thơ đi sứ của Nguyễn Đề từ điểm nhìn thể tài du kí nhằm tìm ra những đặc trưng của du kí thể hiện trong các tác phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy thơ sứ trình Nguyễn Đề mang đậm tính chất du kí được thể hiện trên các phương diện cảm hứng chuyển dịch, nội dung hiện thực, cảm hứng lịch sử và dung lượng thông tin tư liệu được ghi chép trong các bài thơ. Những ghi chép về lịch sử, địa lí, kinh tế, văn hóa, phong tục... sẽ là nguồn tư liệu phong phú và đáng tin cậy không những đối với nghiên cứu văn học mà còn có ý nghĩa đối với các nghiên cứu liên ngành.

Từ khóa: Nguyễn Đề; thơ đi sứ; du kí

1. Đặt vấn đề

Du kí được giới nghiên cứu và phê bình văn học nói đến với tư cách thể loại vào những năm 60 của thế kỉ XX. Dựa trên quan điểm của các nhà lí luận Liên Xô và Trung Quốc, các học giả Việt Nam chia văn học thành bốn thể loại: thơ, truyện, kịch, kí. Du kí được xem là tiểu loại của thể loại kí - một thể loại tự sự trung gian nằm giữa báo chí và văn học. Du kí là những tác phẩm ghi chép của bản thân tác giả khi đi du lịch, ngoạn cảnh về những điều mắt thấy tai nghe của chính mình tại những xứ sở xa lạ, trong những chuyến đi dài ngày. Mặc dù tác phẩm du kí đa phần được viết bằng hình thức văn xuôi, song xét về tính chất ghi chép những sự kiện có thật, những địa danh xác định, trong những chuyến du hành của chính bản thân tác giả thì thơ sứ trình cũng có thể được xem là những tác phẩm du kí viết bằng thơ. Trong bài viết này, chúng tôi đứng trên góc độ lí thuyết của thể tài du kí để nghiên cứu những tác phẩm thơ đi sứ của Nguyễn Đề; từ đó phân tích tính chất du kí thể hiện trong thơ sứ trình Nguyễn Đề ở những khía cạnh nào và thể hiện ra sao qua cảm hứng, nội dung và dung lượng thông tin tư liệu trong các tác phẩm.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của du kí

Cite this article as: Phạm Thị Thúy Hằng (2023). Travel literature features in Nguyen De's envoys' poems. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(10), 1789-1801.

Về thể kí, các nhà nghiên cứu đưa ra nhiều khái niệm với nhiều điểm tương đồng và ít dị biệt. Lại Nguyên Ân cho rằng:

Kí là tên gọi chung cho một nhóm thể tài nằm giao nhau giữa văn học và ngoài văn học (báo chí, ghi chép), chủ yếu là văn xuôi tự sự... Kí khác với truyện ở chỗ kí không có một xung đột thống nhất, phần khai triển của tác phẩm chủ yếu mang tính miêu thuật. Kí thường đề cập không phải sự hình thành tính cách của cá nhân trong tương quan với hoàn cảnh mà là các vấn đề trạng thái dân sự và trạng thái tinh thần của bản thân trong môi trường xã hội. (Lai, 2003, p.179)

Hoàng Phê định nghĩa: “Kí là thể văn tự sự viết về người thật việc thật, có tính chất thời sự, trung thành với hiện thực đến mức cao nhất”. (Hoang, 1994. p.122)

Theo định nghĩa của nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, thì kí là:

Một loại hình văn học trung gian nằm giữa báo chí và văn học. Gồm nhiều thể, chủ yếu là văn xuôi tự sự như bút kí, du kí, phóng sự, kí sự, nhật kí, tùy bút... Du kí - một thể loại văn học thuộc loại hình kí mà cơ sở là sự ghi chép của bản thân mình khi đi du lịch, ngoạn cảnh về những điều mắt thấy tai nghe của chính mình tại những xứ sở xa lạ hay những nơi ít người có dịp đi đến. Hình thức của du kí rất đa dạng, có thể là ghi chép, kí, sự, nhật kí, thư tín hồi tưởng, miễn là mang lại những thông tin, tri thức và cảm xúc mới lạ về phong cảnh, phong tục, dân tình của xứ sở ít người biết đến. (Le et al., 2007, p.162)

Du kí được giới nghiên cứu và phê bình văn học nói đến với tư cách thể loại vào những năm 60 của thế kỉ XX. Dựa trên quan điểm của các nhà lí luận Liên Xô và Trung Quốc, các học giả Việt Nam chia văn học thành bốn thể loại: thơ, truyện, kịch, kí. Du kí được xem là tiểu loại của thể loại kí. Trong cuốn *Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900-1945*, bàn về vị trí của thể loại du kí trong quá trình hiện đại hóa văn học, nhà nghiên cứu Mã Giang Lân cho rằng: “Thể loại văn học đầu tiên viết bằng chữ Quốc ngữ phải kể đến du kí. Đây là một hình thức bút kí văn học được ghi lại bằng văn xuôi, thuật lại những chuyến đi của tác giả đến những vùng đất khác nhau. Nguồn gốc của du kí cần tìm trong những hình thức tùy bút, kí sự truyền thống.” (Ma, 2000, p.44).

Từ những quan điểm trên, có thể định nghĩa: *Du kí là một tiểu loại của kí - thể loại tự sự trung gian nằm giữa báo chí và văn học, ghi chép của bản thân tác giả khi đi du lịch, ngoạn cảnh về những điều mắt thấy tai nghe của chính mình tại những xứ sở xa lạ, trong những chuyến đi dài ngày.*

Du kí đã từng ẩn danh dưới các hình thức thể loại khác nhau như thơ, phú, nhưng bản chất thể loại của du kí mang yếu tố tự sự, tồn tại phổ biến dưới hình thức văn xuôi. (Nguyen, 2015, p.27). Bên cạnh đó, nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thúy Hằng còn cho rằng:

Du kí là những ghi chép từ những chuyến đi hoặc những miêu tả về địa điểm, không gian nơi đến, nên có thể coi tất cả các tác phẩm thơ cũng như văn xuôi trung đại viết trên đường đi sứ, trên đường trải kinh, viết về một địa danh, một cảnh vật không phải nơi ở của tác giả... là các tác phẩm du kí. Văn thơ trung đại có khá nhiều những tác phẩm mang tính chất của thể tài này. Những chuyến đi thời trung đại hầu hết không phải là những chuyến du lịch theo đúng nghĩa

mà đều là những chuyến công cán, đi sứ, đi thi, hoặc có mục đích khác. Văn du kí trung đại cũng khá phong phú về hình thức: có thơ, có văn xuôi, có du kí “nội địa”, và đến thế kỉ XIX khi bắt đầu tiếp xúc Đông-Tây thì có du kí về khu vực châu Á, châu Âu... (Nguyen, 2014, p.75-83).

Như vậy, tính chất du kí nằm ở nội dung chứ không đơn thuần chỉ dựa trên hình thức của tác phẩm. Nói đến du hành là nói đến hành trình có điểm xuất phát, điểm đến, người viết du kí phải đi, phải tìm tòi, trải nghiệm và thông tin đến độc giả. Tác phẩm du kí có thể ghi chép những điều mà tác giả chứng kiến trên đường đi hoặc cũng có thể là viết về một điểm đến cụ thể – một vùng đất xa lạ đối với độc giả. Do đó, du kí không thể tách rời lịch sử, địa lí, văn hóa, phong tục... Các tác phẩm du kí còn phản ánh thế giới tâm tư, tình cảm của tác giả như niềm say mê, háo hức khám phá miền đất mới, những chiêm nghiệm sâu xa về các sự kiện trên đường đi...

Do vị trí địa lí và hoàn cảnh lịch sử, từ lâu đời, Việt Nam và Trung Quốc đã có mối quan hệ bang giao kéo dài đến vài nghìn năm. Chính mối quan hệ bang giao này đã tạo điều kiện để hình thành dòng thơ bang giao trong văn chương trung đại Việt Nam, trong đó có thơ sứ trình (thơ đi sứ). Mặc dù sơ khai nhưng cũng không thể phủ nhận những hạt giống đầu tiên của thể tài du kí đã được gieo bởi thơ sứ trình.

2.2. Tính chất du kí trong thơ sứ trình của Nguyễn Đê

2.2.1. Dấu ấn của sự chuyển dịch và khuynh hướng hiện thực

Một trong những đặc điểm nổi bật của du kí là đi và viết, dù là đi một chuyến đi có kế hoạch, có mục đích rõ ràng hay ngẫu hứng. Tác phẩm du kí bất kể thời nào cũng đều mang đậm dấu ấn của sự chuyển dịch, cảm hứng “xê dịch”. Du kí ghi lại hành trình khám phá vùng đất lạ trên các phương diện lịch sử, tôn giáo, lễ nghi văn hóa, phong tục tập quán, những điều “mắt thấy tai nghe”... Bên cạnh đó, các tác phẩm du kí còn ghi lại những cảm xúc, tâm tư, tình cảm của người viết trong suốt hành trình. Thơ sứ trình mang dấu ấn chuyển dịch rõ nét. Thời nhà Nguyễn, để đến được Yên Kinh, điểm xuất phát từ kinh đô Phú Xuân, các sứ thần phải ngược ra kinh đô Thăng Long, rồi đi lên biên giới phía Bắc. Hành trình thông thường là Thăng Long – Quảng Tây – Hồ Nam – Hồ Bắc – An Huy – Giang Tô – Sơn Đông – Hà Bắc – Yên Kinh (Bắc Kinh). Trong những chuyến đi và về trên đất nước Trung Quốc rộng lớn ấy, các sứ giả – nhà thơ có dịp tận mắt thưởng ngoạn nhiều thắng cảnh thiên nhiên kì thú, nhiều danh lam nổi tiếng. Chẳng hạn, sứ đoàn sẽ ngang qua Toàn Châu – chùa Tương Sơn (cuối Quảng Tây); Hành Sơn, Hành Dương, Hồi Nhạn phong, chùa Nhạc Lộ, hồ Động Đình, sông Tiêu Tương, lầu Nhạc Dương, Trường Sa... (Hồ Nam); Xích Bích, lầu Hoàng Hạc... (Hồ Bắc); Bồn Phó, Thái Thạch... (An Huy); Kim Lăng, Dương Châu... (Giang Nam – Giang Tô), hồ Vi Sơn... (Sơn Đông)... Hầu như đi đến nơi đâu, các sứ thần đều có thơ đề vịnh. Địa danh thường thể hiện rõ trong tiêu đề các bài thơ, nhằm vẽ lại lộ trình, ví dụ: *Vũ thắng quan* (Cửa ải Vũ Thắng), *Đề Hoàng Hạc lâu* (Đề thơ lầu Hoàng Hạc)... của sứ thần Ngô Thì Vị; *Giáp Thành Mã Phục Ba miếu* (Miếu thờ Mã Phục Ba ở Giáp Thành), *Hà Nam đạo trung khóc thử* (Nặng gắt trên đường ở Hà Nam), *Thái Bình mại ca giả* (Người hát rong

ở đất Thái Bình)... của Nguyễn Du, *Hành Châu Vũ dạ văn chung* (Đêm nghe tiếng chuông ở Hành Châu)... của Phan Huy Chú... *Hoa trình tiêu khiển tập* của Nguyễn Đề cũng ghi lại con đường của đoàn sứ giả theo lối nhật lục, vẽ lại lộ trình từ Đài Ngưỡng Đức (phía Nam ải Nam Quan, thuộc địa phận nước ta) cho đến Yên Kinh. Trong thơ có nhắc đến một loạt các địa danh thuộc tỉnh Quảng Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc, Hà Nam, Sơn Tây, Giang Tây, Yên Kinh... như Tân Ninh (*Tân Ninh dạ phát*), Lão Khẩu (*Lão Giang tình phiếm*), Nam Ninh (*Nam Ninh văn thiếu*), Vĩnh Phúc (*Vĩnh Phúc tức cảnh*), Ân Châu (*Ân Châu đạo trung ngẫu thành*), Toàn Châu (*Toàn Châu bát cảnh*), Hoàng Sa (*Độ Hoàng Sa hà tức cảnh*), Vĩnh Châu (*Tảo khế Vĩnh Châu phủ thành kí thắng*), Hành Châu (*Hành Châu hoài cổ*), Trương Đàm (*Nguyệt dạ độ Trương Đàm*), Trương Âm (*Trương Âm tức cảnh*), Nhạc Châu (*Nguyệt dạ để Nhạc Châu dao vọng Động Đình hồ khẩu, nhân ức tâm hữu Đoàn Hải Ông*), lầu Hoàng Hạc (*Hoàng Hạc lâu*), Hán Khẩu (*Hán Khẩu văn độ*), Tín Dương (*Tín Dương tảo hành*), Yên Thành (*Vịnh Yên Thành lập mai*), Hoàng Hà (*Hoàng Hà hiểu độ*), gác Tử Quang (*Tử Quang các thị yến*), Tiêu Tương (*Tiêu Tương văn độ*)... Có thể nói, hầu như đi đến đâu, Nguyễn Đề cũng có thơ vịnh cảnh, tức cảnh, thuật hoài... Theo chân đoàn sứ giả, người đọc cũng có cảm giác như được đi qua nhiều vùng đất lạ, chiêm ngưỡng những khung cảnh thiên nhiên tráng lệ tuyệt sắc. Cũng không ít bài thơ ghi lại những gian nan trong hành trình như thời tiết khắc nghiệt (*Chu trình trở phong, Cầm Châu đông vọng...*), địa hình hiểm trở (*Tra Giang chu trình*), thân thể ốm đau (*Chu trung khiển hứng*), hay ghi lại tâm trạng nhớ nhà, nhớ thân bằng quyến thuộc (*Kí đồng hoài đệ Thanh Hiên Tố Như tử, Đạm lê hoài đệ, Hoài Tố Như đệ, Kí Tố Như đệ, Thị Tố Như đệ, Tống Tố Như đệ tự Phú Xuân kinh Bắc hoàn, ngũ thủ...*) Trong tập thơ cũng có nhiều bài thơ đề vịnh những danh thắng theo truyền thống đề vịnh của thơ ca trung đại, như am Phục Long (*Đề Phục Long am*), miếu Tam Nhân (*Đề Tam Nhân miếu*), làng cũ của Thái Công Vọng (*Đề Thái Công Vọng cố lí*), đền thờ Vũ Mục (*Đề Vũ Mục Công từ*), đình Tam Túy (*Tam Túy đình*), lầu Hoàng Hạc (*Hoàng Hạc lâu*), đền thờ Phục Ba (*Quá Phục Ba từ*)... Cảm hứng hoài cổ và cảm hứng lịch sử khá rõ nét.

Một trong những đặc trưng mang tính chất khu biệt của du kí với các tác phẩm tự sự khác như truyện và tiểu thuyết đó là du kí không có cốt truyện, không nhằm kể chuyện mà là miêu tả người thật việc thật, phản ánh hiện thực khách quan. Hiện thực được phản ánh trong thơ sứ trình của Nguyễn Đề bị chi phối bởi lộ trình, phương tiện đi lại, mục đích sáng tác và thế giới quan của tác giả. Cảm hứng thơ chủ yếu kế thừa truyền thống thơ ca trung đại bao gồm tả cảnh, tức sự, thơ vịnh cảnh, đề thơ khi đến thắng cảnh nổi tiếng (*Hoàng Hạc lâu, Đề Phục Long am...*). Hầu như đi đến đâu, Nguyễn Đề cũng ghi lại vẻ đẹp của phong cảnh. Không ít bài thơ miêu tả cảnh đẹp và tâm trạng hào hứng với cảnh đẹp:

Sứ sự mang tùy thanh điều khứ,
Hương tình nhàn trực bạch vân lai.
Quốc du mỗi hận phong quang thiếu,
Đảo thử trùng hân đại đạo khai.

(*Quá quan hi phú*), (Le, 2019, p.47)

Dịch thơ:

Việc sứ chim xanh rộn rã gửi,
 Tình quê mây trắng mơ màng bay.
 Suốt đường sợ ít phong quang đẹp,
 Mừng thấy từ đây lối rộng bày.

(Làm thơ mừng qua cửa ải), (Le, 2019, p.48)

Nhất thủy oanh hời la đối thúc,
 Quần phong đảo chiếu cảm bình phô.
 Tùng kim y khước giang sơn tích,
 Bất hướng Vương trang mãi họa đồ.

(Vĩnh Phúc tức cảnh), (Le, 2019, p.55)

Dịch thơ:

Sông trải lụa là tha thướt chảy,
 Núi in bình gấm chập chùng phơi.
 Bệnh ghiền sông núi nay đà cứu,
 Tranh vẽ họ Vương chẳng phải coi.

(Cảnh đẹp ở Vĩnh Phúc), (Le, 2019, p.56)

Thơ đi sứ của Nguyễn Đề chủ yếu ghi lại cảm xúc cá nhân tác giả hơn là ghi lại nhân vật và sự kiện. Trong khi đó, *Bắc hành tạp lục* của Nguyễn Du lại dành nhiều tình cảm cho những con người, những thân phận. Thơ Nguyễn Đề có nhiều bài ghi lại cảnh sinh hoạt đời thường của nhân dân địa phương ở những vùng miền mà ông đi qua, chủ yếu là cảnh được quan sát từ xa, từ trên thuyền, giữa dòng sông và những âm thanh từ xa vọng đến khách thuyền. Hiện thực sinh hoạt đời thường hai bên bờ có khi được gợi nhắc qua những hình ảnh và thanh âm quen thuộc như một làn khói, một nếp nhà thấp thoáng, một mái chèo rẽ sóng hay tiếng hát của người chài, người tiều phu:

Thụ lâm ả ước thôn yên viễn,
 Điền dã hoành tà giản thủy thoan.

(Ba Lăng đạo trung) (Le, 2019, p.120)

Dịch thơ:

Khói làng thấp thoáng bên rừng toả,
 Suối nước nghiêng nghiêng khắp ruộng tràn.

(Trên đường ở châu Ba Lăng) (Le, 2019, p.121)

Sứ tinh phát phát nghinh phong động,
 Chinh trạo phiêu phiêu tước lãng đề.

...

Cảnh trung tối hữu thôi ngâm hứng,
 Ngư xướng, tiều ca, điệu hựu đề.

(Hiếu thiên giải lã) (Le, 2019, p.134)

Dịch thơ:

Phất phơ cờ sứ bay trong gió,
Phơi phới chèo ai rẽ sóng về.

...

Cảnh như giục hứng ngâm thơ đó,
Chim hót, tiêu ngư rộn tiếng quê.

(Sáng sớm mở neo thuyền) (Le, 2019, p.135)

Ngư phục nghịch chu ca hưởng tế,
Mục đăng ngư bối địch thanh trường.

(Tiêu Trương văn độ) (Le, 2019, p.126)

Dịch thơ:

Chài hát trong thuyền nghe vắng vắng,
Sáo vang lưng ghé tiếng du dương.

(Chiều qua đò ở Tiêu Trương) (Le, 2019, p.127)

Thừa phong chu tử trưng phạm kiện,
Sấn lãng ngư ông tán võng nhàn.
Sâm thác nhân gia thanh thảo bạn,
Lục li tiêu kính bạch vân gian.

(Đồng Giang tức cảnh) (Le, 2019, p.283)

Dịch thơ:

Thuyền phu nương gió giương buồm lộng,
Ngư phủ theo dòng thả lưới giông.
Tháp thoáng nhà ai triền cỏ biếc,
Lơ thơ xóm núi áng mây hồng.

(Tức cảnh ở Đồng Giang) (Le, 2019, p.284)

Có thể thấy, miêu tả sinh hoạt đời thường trong thơ Nguyễn Đề vẫn trong khuôn khổ tả cảnh ngụ tình. Cuộc sống được miêu tả trong thơ ông chỉ là nguồn thi liệu gợi lên thi hứng cho một lữ khách, một tao nhân hơn là bằng chứng của cảm hứng hiện thực. Thơ sứ trình của Nguyễn Du thì đậm chất hiện thực, một hiện thực được miêu tả cận cảnh, tỉ mỉ và cụ thể. Từ đó người đọc có thể như đang nhìn thấy những phận đời tài hoa bị vùi dập của người gảy đàn, của ca nương..., cảnh khốn cùng của những người lao động cùng khổ đói rét. Tâm tư tình cảm của Nguyễn Du là lòng thương cảm sâu xa đối với chúng sinh và những nỗi niềm thời cuộc, còn ở Nguyễn Đề, đó là niềm say mê với cảnh đẹp thiên nhiên, niềm háo hức được thực hiện sứ mệnh bang giao, là nỗi niềm nhớ nhung quê hương đất nước và thân bằng quyến thuộc.

Tóm lại, tính chất du kí trong thơ sứ trình của Nguyễn Đề trước hết thể hiện ở cảm hứng xê dịch, niềm vui thú khi khám phá vẻ đẹp mới mẻ, kì thú của cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống đời thường ở những địa danh xa xôi. Qua đó tác giả cũng gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình trên cuộc hành trình. Cả tập thơ là một bức tranh rộng lớn trải ra trước mắt người đọc, mặc dù mục đích sáng tác không phải để giới thiệu hay kêu gọi người ta đi khám

phá những vùng đất mới, nhưng nó cũng có một sức hấp dẫn không thể phủ nhận. Thơ sứ trình Nguyễn Đề chủ yếu sáng tác trên đường đi, phản ánh cảnh vật xứ lạ qua lăng kính tâm hồn của một nhà nho giàu tình yêu thiên nhiên và luôn đau đáu một lòng trung quân ái quốc.

2.2.2. Giá trị thông tin tư liệu địa lí, lịch sử và văn hóa

Bối cảnh văn hóa trong thơ sứ trình của Nguyễn Đề chủ yếu là văn hóa sông nước được phản chiếu qua đôi mắt của một người đang tại tha hương. Yếu tố tự sự trong thơ không rõ ràng, không kể lại những câu chuyện kì lạ ở những miền đất lạ, phần do đặc trưng của thể loại trữ tình, phần thì do mục đích sáng tác của tác giả. Nguyễn Đề không viết nhằm mục đích giới thiệu những cái mới lạ của vùng đất mà ông đi qua, không nhằm thu hút người ta đến tham quan, khám phá, không nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết của độc giả như du kí sau này, mà là viết để “ngôn chí”, “thuật hoài”, “tải đạo” – theo đúng truyền thống sáng tác của văn chương trung đại: “Văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí”. Thơ sứ trình Nguyễn Đề có giá trị ghi chép lại lộ trình của sứ đoàn như một hình thức ghi nhật kí, tuy thời gian đôi khi còn sơ lược nhưng địa danh thì rõ ràng. Hầu như qua mỗi địa danh đều có thơ ghi lại. Bên cạnh đó, các bài thơ chủ yếu đi sâu vào thế giới nội tâm của chủ thể trữ tình, miêu tả những tâm tư, tình cảm như nỗi nhớ nước thương nhà, nhớ ơn vua, nhớ người thân cũng như trách nhiệm lớn lao của một nhà Nho truyền thống đối với vua, với nước. Tuy nhiên tính chất “du kí” thể hiện ở chỗ các bài thơ tự thân đã phản ánh cảm hứng lịch sử, tái hiện lịch sử, thể hiện đặc điểm địa lí, khí tượng... của những địa danh xa lạ, cũng như phản ánh những nét văn hóa, phong tục tập quán của những nơi mà tác giả đi qua. Tính chất “du kí” còn thể hiện ở những dòng chú thích cho địa điểm hoặc sự kiện được nói đến trong tác phẩm. Điều này làm tăng tính xác thực của thông tin. Ví dụ, ở bài *Đề tam nhân miếu*, tác giả chú thêm về địa danh: *Tại Kỳ Thủy huyện giới (Miếu ở địa phận huyện Kỳ Thủy)*. Ở bài *Đề Thái Công Vọng cổ lí* có chú *Tại cấp huyện giới thủ, Thượng mã vận cách (Ở đầu địa giới huyện Cấp, dùng vắn theo kiểu lên ngựa)*, ở bài *Đề Vũ Mục công từ* có chú *Tại Yến Thành huyện thành nội (Đền tọa lạc trong thành huyện Yến Thành)*... Có bài thì chú thêm về địa danh lẫn địa thế và hoàn cảnh sáng tác, như trong bài *Định Lục thu phiếm* có chú:

Định Lục, giang danh, hữu Lại Thủy than, Thủy thế bàn tuyền, chu hành phả nan. Hựu hữu Hưởng Hồ, phi bộc thời chú, thanh như chân lôi. (Định Lục là tên con sông, có ghềnh Lại Thủy, thế nước xoáy tròn, đi thuyền rất khó khăn. Lại có hồ tên là Hưởng Hồ, thác nước chảy vào, tiếng vang như sấm) (Le, 2019, p.183).

Bài *Nam Ninh* có đoạn chú khá dài về địa danh, lịch sử và cả phong tục tập quán của nơi mà sứ đoàn đi qua:

Giang hiệu Tầm Giang, thương khách đại tự, hữu Côn Lôn sơn, Mã Bào tuyền, thử vi Địch Thanh phá Trí Cao xứ. Thành trung hữu Dương Minh thư viện, thị Văn Thành Công giảng học xứ. Thành đông hựu hữu Tiêu Dao sơn, tục truyền sơn thượng văn cổ nhạc thanh tức kì niên phong. (Có sông gọi là Tầm Giang, khách buôn phần lớn tụ tập trên sông này, có núi Côn Lôn, suối Mã Bào, là nơi Địch Thanh đánh tan Nùng Trí Cao ngày trước. Trong thành có thư viện

Dương Minh, là nơi Văn Thành Công dạy học. Phía Đông thành này còn có núi Tiêu Dao, tục truyền trên núi khi nghe có tiếng trống nhạc là năm được mùa.) (Le, 2019, p.187)

Bài *Phong cảnh Hoành Châu* có đoạn chú:

Hoành Châu cách ngạn hữu Long Mẫu miếu, miếu hạ hữu Long Mẫu tích, chu hành phá nan. Thành trung Dược Vương miếu, chế cực tráng lệ. Hựu hữu Khổng Tử hành giáo tượng khắc thạch trí học trung. Hựu ư Nguyệt Lâm loan, tương truyền hữu thiết thuyền trầm vu thủy đề, Hán Mã Viện khai than sở dụng, ngộ đại phong vũ. Hoặc phù vu thủy điện, hữu Tô Ma kiều, tương truyền tiên nhân Đồng Phụng mãi dược ư thử; hựu hữu Hải Đường kiều, thị Tân Thiệu Du túy túc hoa hạ đề từ vân: “Túy hương quảng đại nhân gian tiểu” (Cách bờ sông Hoành Châu có ngôi miếu thờ Long Mẫu, dưới miếu có dấu tích Long Mẫu, thuyền đi lại rất khó khăn. Trong thành có miếu thờ Dược Vương, rất tráng lệ. Lại có tượng Khổng Tử đang dạy học khắc bằng đá, đặt ngay trong chỗ học. Lại có vịnh Nguyệt Lâm, tương truyền có chiếc thuyền sắt chìm dưới đáy nước, nguyên là thuyền của Mã Viện nhà Hán dùng để đào khơi bên nước, gặp trận mưa bão lớn nên bị chìm. Nổi trên mặt nước có cầu Tô Ma, tương truyền có một vị tiên là Đồng Phụng làm thuốc ở đó; lại có cầu Hải Đường, là nơi Tân Thiệu Du say ngủ dưới hoa, đề bài từ có câu rằng: “Làng say rộng lớn, nhân gian nhỏ”). (Le, 2019, p.197)

Ngoài ra, các bài thơ như *Tra Giang chu trình*, *Tâm Châu bát cảnh*, *Đằng thành hiệu vọng*, *Chiêu Giang văn bạc*, *Đề Lưu tam liệt miếu...* đều có những đoạn chú thích cụ thể như thế. Những đoạn chú thích trong mỗi bài thơ cung cấp cho độc giả rất nhiều thông tin về địa lí, địa hình, khí tượng thủy văn, lịch sử, văn chương, phong tục tập quán, con người... ở những vùng đất mà ông đã đi qua. Đây cũng là một trong những đặc trưng cơ bản của thể tài du kí: đi, xem, trải nghiệm và thông tin. Những thông tin này rất có giá trị cho những nghiên cứu liên ngành của đời sau.

Ở một số bài thơ khác thì phần chú thích liên quan đến tiến độ sứ trình, được ghi lại như hình thức ghi nhật kí. Ví dụ, đoạn chú trong các bài *Văn mệnh hỉ phú*, *Đức Giang dạ phẩm...* cho biết lộ trình, tốc độ của sứ đoàn:

Chu thứ Trường Than, tiếp đao Quảng Tây tuần phủ thành trát thị, phụng đình kí thượng dụ, thử thứ An Nam công sứ đương hướng Quảng Đông Giang Tây tiến trình, do thử chí Giang Tây. Chu trình hựu thêm số thập nhật. (Thuyền dừng ở ghènh Trường Than, tiếp được trát báo của Tuần phủ Quảng Tây, phụng mệnh triều đình (Trung Quốc) gửi lời Thượng dụ: Chuyến đi sứ của đoàn sứ nước An Nam lần này sẽ đi theo hướng Quảng Đông lên Giang Tây. Do đó, đến vùng Giang Tây, đoàn đi thêm mấy chục ngày nữa.) (Le, 2019, p.227)

Hoặc:

Đức Khánh châu thuộc Quảng Đông, Triệu Khánh phủ, do thử chí kinh, thượng hữu thất thiên lục bách dư lí. Hộ tổng quan duy khùng bất cập trình hạn, liên dạ khai chu, đán kiến giáp ngạn thụ âm, đăng quang thiêm thước, liên giang vụ toả, dạ khí mông lung, thậm giác hữu thú. (Châu Đức Khánh thuộc phủ Triệu Khánh, tỉnh Quảng Đông, từ đây đến kinh còn hơn bảy ngàn sáu trăm dặm. Quan hộ tổng chỉ lo lộ trình không đúng thời hạn, nên nhiều đêm cho thuyền đi suốt, chỉ thấy hai bên bờ bóng cây bao phủ, thấp thoáng ánh đèn, đầy sông sương mù bủa kín, hơi đêm mịt mờ, thật là thú vị. (Le, 2019, pp.239, 240)

Như vậy, thơ Nguyễn Đề vẫn in đậm dấu ấn của thơ công vụ. Những ghi chép liên quan đến lộ trình, tiến độ, khoảng cách, thời gian... là nguồn tư liệu đáng tin cậy cho việc nghiên cứu thơ đi sứ, góp phần giúp các nhà nghiên cứu vẽ phác lại lộ trình của sứ đoàn cũng như nghiên cứu các sự kiện có thật trên con đường đi sứ của các sứ thần.

Thơ đi sứ của Nguyễn Đề có nhiều bài viết về văn hóa và phong tục, đặc biệt là vào mỗi dịp lễ Tết nơi đất khách. Phong tục tập quán của Việt Nam và Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng hơn là khác biệt. Ví dụ phong tục đón Tết âm lịch, Tết trùng cửu, tiết thanh minh... Bài *Trừ tịch cảnh trình (Lên đường trong đêm giao thừa)* tả cảnh đêm giao thừa nơi đất khách. Cảnh tượng không khác nhiều so với Tết ở Việt Nam:

Dẫn kính đăng hoa truyền điêm điêm,
Thôi nhân bộc trúc hưởng thanh thanh.

(Trừ tịch cảnh trình, Le, 2019, p.94)

Dịch thơ:

Đưa khách đèn hoa treo thấp thoáng,
Giục lòng tiếng pháo nổ đánh đánh.

(Lên đường trong đêm giao thừa) (Le, 2019, p.95)

Hay trong bài *Lữ trung nguyên đán (Ngày đầu năm giữa đất khách)* cũng đề cập phong tục đốt vàng mã và đốt pháo vốn không xa lạ đối với người Việt:

Giáp quân khô phi ngọc luật truyền,
Kỉ thanh bộc trúc báo xuân thiên.

(Lữ trung nguyên đán) (Le, 2019, p.96)

Dịch thơ:

Du giáp tro bay, điệu sáo truyền,
Báo xuân mấy tiếng pháo rền vang.

(Ngày đầu năm giữa đất khách) (Le, 2019, p.97)

Lồng vào trong cảnh sắc xứ người vào mỗi dịp lễ tiết là tình cảm nhớ quê tha thiết:

Triết liễu gia gia môn sáp lục,
Toàn du xứ xứ táo nhiên hồng.
Ngạn đầu bá tảo lân di tục,
Hồi tưởng vân sơn thiết thốn trung.

(Đồ ngộ thanh minh) (Nguyen, 1995, p.256)

Dịch thơ:

Cửa biếc nhà nhà treo nhánh liễu,
Bếp hồng chón chón đốt cành đa.
Bên bờ bá lỵ thương di tục,
Sực nhớ non quê mấy thiết tha.

(Ngẫu nhiên gặp tiết thanh minh trên đường đi) (Nguyen, 1995, p.257)

Không gian trong thơ đi sứ của Nguyễn Đề không chỉ là Trung Hoa rộng lớn với muôn vàn cảnh sắc hùng vĩ, mỹ lệ mà còn là không gian văn hóa – lịch sử của nhiều triều đại, nhiều nhân vật lịch sử và các tao nhân mặc khách. Có thể nói, trong thơ sứ trình của Nguyễn Đề

cũng như của các sứ thần thời trung đại, đi là để cảm nhận một cách trực tiếp, nhìn nhận lại và chiêm nghiệm về giá trị của những không gian văn hóa – lịch sử mà một nhà nho như ông đã được nghe, được đọc trong sách thánh hiền từ khi còn nhỏ. Đó là những tên tuổi lớn như Khương Tử Nha (*Đề Thái Công Vọng cố lí*), Nhạc Phi (*Đề Vũ Mục Công từ*), Cao Biền (*Đề Thương Ngô hoài cổ*), Ngu Cơ (*Đề Ngu Cơ mộ*), Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi (*Đề Lưu Quan Trương đào viên kết nghĩa xứ*)... cũng như những địa danh nổi tiếng đã đi vào thơ phú cổ điển: Hoàng Hạc lâu, Đằng Vương các, Tiêu Tương, Động Đình... Cảm hứng chủ đạo của những bài thơ vịnh sử mang đậm phong cách văn chương nhà Nho là cảm hứng hoài cổ, từ chuyện xưa mà ngắm chuyện đời nay. Nguyễn Đề cũng tiếp nối truyền thống đề thơ của văn chương cổ. Ông để lại nhiều bài thơ đề khi đến các di tích và danh thắng như: *Đề Phục Long am, Đề Tam Nhân miếu, Đề Vũ Mục Công từ, Đề Thái Công Vọng cố lí, Đề Tương Sơn tự, Đề Lưu tam liệt miếu, Đề Phục Ba từ, Đề Đằng Vương các*... Đặc biệt, bài thơ *Đề Phi Lai tự khắc thạch* là bài thơ được ông sáng tác khi đến thăm chùa Phi Lai (Quảng Đông) và được khắc lên đá ở chùa này:

*Mạn đàm Thửu Lĩnh dữ Bồng Lai,
Thắng khái tranh như thử Phật đài.
Thúy ứng từ vân quần đảo liệt,
Thanh hàm minh nguyệt nhất giang khai.
Tẩy trần tuyền tự nham yêu lạc,
Tảo tục phong tông động khẩu lai.
Thập cấp nghĩ tâm Viên tích cổ,
Du du bích thụ hựu thương đài.*

(*Đề Phi Lai tự khắc thạch*) (Le, 2019, p.247)

Dịch thơ:

*Thửu Lĩnh, Bồng Lai chớ nhọc lòng,
Phật đài đây chốn thoả niềm trông.
Mây lành xanh biếc vương non đảo,
Trăng sáng chan hoà đượm bến sông.
Suối nước tẩy trần sườn núi rớt,
Gió thanh xua tục cửa hang lồng.
Muốn tìm dấu cũ duyên Tôn, Bạch,
Biêng biếc cây rừng, rêu kín phong.*

(*Đề thơ khắc lên đá chùa Phi Lai*, Le, 2019, p.247)

Bên cạnh cảm hứng vịnh sử, thơ Nguyễn Đề còn có nhiều bài trực tiếp phản ánh những sự kiện diễn ra trong quá trình đi sứ - những sự kiện “người thật việc thật” mà về sau sẽ đi vào lịch sử. Trong chuyến đi sứ lần thứ nhất (1789-1790), ông có bài thơ *Tử Quang các thị yến* (*Dự tiệc ở gác Tử Quang*):

*Phong hòa nhật noãn diễm dương thiên,
Ngũ sắc tường vân ánh ngọc hiên.
Từ các hõn hoàng khai ý tịch,*

*Kim lô phát uất nhạ hương yên.
Hí chiêm vương mệnh sâm quan đái,
Hoàng nhạ tiên môn nhạ quản huyền.
Hoa yến hạnh bồi tri phận ngoại,
Tinh thần sáng lãng tư phiêu nhiên.*

(*Tử Quang các thị yến*) (Le, 2019, p.100)

Dịch thơ:

*Gió hòa nắng ấm cảnh xuân tươi,
Hiên ngọc đùn mây ngũ sắc phơi.
Gác tía huy hoàng phỏ chiếu gấm,
Lư vàng ngan ngát tỏa hương lời.
Mừng xem văn võ nghe vương mệnh,
Vui thấy nhạ tiên rộn công trời.
Sứ cũng được mời chung yến tiệc,
Tinh thần sáng khoái tứ khơi vui.*

(*Dự tiệc ở gác Tử Quang*) (Le, 2019, p.101)

Bài thơ thể hiện niềm vinh hạnh của một sứ thần khi được dự yến tiệc ở nơi ghi công những công thần của triều Thanh. Bên cạnh niềm vinh hạnh cá nhân, đó còn là tinh thần trách nhiệm của một vị sứ thần luôn ý thức cao về nghĩa vụ và vai trò của mình đối với việc bang giao. Ngoài ra, ông còn có thơ ghi lại các sự kiện dự tiệc dành cho người cao tuổi (*Ứng chế thị thiên tẩu yến*), tiệc nguyên tiêu (*Ứng chế thị nguyên tiêu yến vu Viên Minh viên chi sơn cao thủy trường các*)... và các bài thơ xướng họa với sứ thần Triều Tiên Lý Hanh Nguyên và Từ Hữu Phòng như: *Giản Triều Tiên quốc sứ thần, Tái giản Triều Tiên quốc sứ thần, Tái giản Triều Tiên quốc sứ thần Lý Hanh Nguyên y tạ dĩ công mang bất năng chúc họa, Họa đáp Triều Tiên quốc Phó sứ Từ Hữu Phòng y diệc tạ dĩ công mang bất năng chúc họa, Cung họa ngự chế tứ Triều Tiên, Lưu Cầu, An Nam chư quốc sứ thần thi*... Nhìn chung, các bài thơ xướng họa của Nguyễn Đề và các sứ thần Triều Tiên đều thể hiện cảm thức về sự cách trở trong điều kiện địa lí nhưng lại vô cùng gần gũi tương đồng về văn hóa – lịch sử giữa hai nước:

*Trưởng Nam tu trở Bột minh đông
Giải cầu duy tương đế khuyết trung.
Kinh sử tiền truyền vô sở dị,
Y quan cổ chế hữu tương đồng.*

(*Giản Triều Tiên quốc sứ thần*)

*Biển Nam ngăn cách với biển Bột Hải phía Đông,
Tình cờ lại được gặp nhau nơi cửa khuyết.
Kinh sử ngày trước truyền không khác nhau,
Áo mũ theo quy chế xưa cũng giống nhau.*

(*Gửi sứ thần nước Triều Tiên*) (Phạm, 2017, p.72)

Tình cảm của các sứ thần trong các bài thơ xướng họa cũng rất gần gũi, họ chia sẻ với nhau về cảnh ngộ li hương cũng như bày tỏ niềm hi vọng tương lai về quan hệ bang giao tốt đẹp của các nước. Họ hi vọng được gặp lại nhau trong các chuyến đi sứ sắp tới, nếu không thể nói chuyện bằng lời thì ngửa bàn tay ra mà nói với nhau: *Tương ngộ vô từ để chường đàm (Tái giản Triều Tiên quốc sứ thần)*. Tình cảm thấm thiết đến mức: *Để thương do du mộng lí đàm (Xa nhau chỉ còn biết chuyện trò trong giấc mộng)*... Thơ xướng họa giữa các sứ thần các nước là một bộ phận quan trọng của thơ bang giao, dựa vào đó, các nhà nghiên cứu sử học, văn học có thể phác họa lại mối quan hệ giữa các nước trong khu vực thời bấy giờ. Cảm hứng vịnh sử cùng với chức năng thông tin, ghi lại những sự kiện có thật trên đường đi cũng như trong triều hội, chuyện về những con người thật, cung cấp những thông tin có thể kiểm chứng về lịch sử, văn hóa, phong tục... là những biểu hiện rõ nét của tính chất *du kí* trong thơ đi sứ của Nguyễn Đề.

3. Kết luận

Tóm lại, trong bức tranh toàn cảnh của thơ bang giao triều đại Tây Sơn, thơ sứ trình Nguyễn Đề là một trong những mảnh ghép quan trọng. Thông qua vịnh sử, vịnh cảnh, thơ ông đích thực là những trang du kí, thể hiện ở cảm hứng xê dịch, cảm hứng hiện thực và nội dung mang tính thông tin. Bên cạnh việc phản chiếu tâm trạng tha hương lữ thứ, nỗi nhớ nước thương nhà, ý thức trung quân ái quốc, những trang thơ công vụ của ông còn là những trang tư liệu phong phú và có giá trị trên nhiều phương diện. Qua những trang thơ sứ trình của Nguyễn Đề, có thể nói du kí không chỉ bó hẹp trong thể văn xuôi tự sự mà tính chất du kí còn có mặt trong những thể khác, kể cả thơ công vụ.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Do, T. T. T. (2013). Cảm hứng văn hóa - lịch sử trong Thơ đi sứ giai đoạn cuối Lê - đầu Nguyễn (1740 – 1820) [Cultural-historical inspirations in poems on being sent to a foreign country as king's envoy in the period of end of Le – beginning of Nguyen (1740-1820)]. *Journal of cultural studies*, 5, 76-82.
- Hoang, P. (1994). *Từ điển Tiếng Việt* [Vietnamese dictionary]. Da Nang: Da Nang Publishing House.
- Lai, N. A. (2003). *150 thuật ngữ văn học* [150 Literary Terms]. Hanoi: National University Publishing House.
- Le, B. H., Tran, D. S., & Nguyen, K. P. (2006). *Từ điển thuật ngữ văn học* [Dictionary of Literary Terms]. Hanoi: Education Publishing House.
- Le, Q. T. (2019). *Thơ Nguyễn Đề (tuyển)* [Collection of Nguyen De's poems]. Ho Chi Minh: Literature Publishing House.

- Ma, G. L. (2000). *Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900 - 1945 [The process of modernizing Vietnamese literature 1900-1945]*. Hanoi: Information culture Publishing House.
- Nguyen, C. L. (2013). Diện mạo thơ sứ trình trung đại Việt Nam và thơ đi sứ của Nguyễn Trung Ngạn [The characteristics of the poetry of the Vietnamese medieval envoys and the poetry of envoy Nguyen Trung Ngan]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 49, 95-109.
- Nguyen, H. L. (2015). Đặc điểm du kí Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX [Characteristics of Vietnam travel writing in the first half of the twentieth century]. PhD Thesis in Vietnamese language and culture. Hue University.
- Nguyen, H. Y. (2015). Tổng quan tình hình nghiên cứu về các tác phẩm đi sứ Trung Quốc của Việt Nam ở nước ngoài [Researches on Vietnamese envoys' works – A review of foreign researches]. *CTU Journal of Science*, 36, 64-73.
- Nguyen, T. P. (1995). *Tuyển tập thơ chữ Hán Nguyễn Đề [The Collection of Nguyen De's Chinese character poems]*. Hanoi: Social Science Publishing House.
- Nguyen, T. T. H. (2009). Giá trị văn hóa và văn học của du kí [Cultural and literature values of the travel story]. *VNU Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, 25(2), 63-71.
- Pham, T., & Dao, P. B. (1993). *Thơ đi sứ [The envoys' poetry]*. Hanoi: Social Science Publishing House.
- Trinh, K. M. (2013). Khảo sát thơ văn xướng họa của các sứ thần hai nước Việt - Hàn thời kỳ trung đại [The study of Vietnamese and Korean ambassadors' poetry in medieval period]. *Han Nom Magazine*, 2, 17-33.

TRAVEL LITERATURE FEATURES IN NGUYEN DE'S ENVOYS' POEMS

Pham Thi Thuy Hang

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding Author: Pham Thi Thuy Hang – Email: hangpth@hcmue.edu.vn

Received: March 23, 2023; Revised: May 24, 2023; Accepted: July 19, 2023

ABSTRACT

The envoys' poetry of Nguyen De is an important part of the diplomatic poetry of the Tay Son Dynasty. The article approaches Nguyen De's poems from the point of view of travel literature to find out the characteristics of travel journals. It was found that Nguyen De's poems featured travel literature in the aspects of traveling, realistic content, historical inspiration, and documentary information. Writing on history, geography, economy, culture, and customs is a rich and reliable source not only for literary studies but also for interdisciplinary studies.

Keywords: Nguyen De; the envoys' poems; travel literature